

Bản án số: 211/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-8-2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Sầm .

+ Ông Ngô Bá Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lương Thị Hồng T** - Sinh năm: 1993; địa chỉ: Số A, khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Công T1** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lương Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khoảng thời gian tìm hiểu khoảng ba năm, bà và ông Nguyễn Công T1 kết hôn vào năm 2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/5/2025 và đã được cấp giấy chứng

nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, bà và ông T1 chung sống hạnh phúc được bốn tháng thì phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc nữa mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T1 đã sống ly thân từ tháng 8 âm lịch năm 2025 cho đến nay. Bà T cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với ông T1, không thể đoàn tụ được nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T1 có một người con chung là: Nguyễn Thế P - Sinh ngày 28/3/2025 (người con hiện đang sống chung với bà T). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/8/2026, bị đơn là ông Nguyễn Công T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T đã kiên quyết yêu cầu ly hôn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có một người con chung là: Nguyễn Thế P - Sinh ngày 28/3/2025, (hiện đang sống chung với bà T). Do con còn quá nhỏ nên ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con nhưng sẽ phụ lo cho con. Sau này nếu bà T chăm sóc con không tốt thì ông sẽ yêu cầu thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Lương Thị Hồng T, bị đơn là ông Nguyễn Công T1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về căn cứ pháp luật được áp dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

(1) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lương Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Công T1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

(2) *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thế P - Sinh ngày 28/3/2025 cho bà Lương Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Lương Thị Hồng T không yêu cầu ông Nguyễn Công T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Công T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

(3) *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

(4) *Về án phí*: Bà Lương Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông T1 có địa chỉ tại: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Ông T1 vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 07/7/2026, bà T có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (ngày 07/7/2026), ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (ngày 03/8/2026) nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

[3.1] Bà T, ông T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 06/5/2025 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà T, biên bản lấy lời khai để xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà T, ông T1 có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân, giữa ông bà không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T1, tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/8/2026, ông T1 đồng ý ly hôn với bà T từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông T1 theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi người con chung giữa bà với ông T1 là: Nguyễn Thế P - Sinh ngày 28/3/2025. Ông T1 cũng đồng ý để bà T được quyền tiếp tục nuôi con; bên cạnh đó, người con hiện chưa được 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi, đang sống chung với bà T nên giao cho bà T được quyền tiếp tục nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Hồng T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Công T1.

2/ Về con chung:

Giao cho bà Lương Thị Hồng T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Nguyễn Công T1 là: Nguyễn Thế P - Sinh ngày 28/3/2025 (hiện đang sống chung với bà T) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Ông Nguyễn Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Ông Nguyễn Công T1 có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T1.

Vì lợi ích của con chung, bà T, ông T1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Hồng T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011944 ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Lương Thị Hồng T, ông Nguyễn Công T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Phong;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD-KT-TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn

